

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương
Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II - NĂM 2024

❖ **Bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

HẢI DƯƠNG, NĂM 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	31/12/2023
Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		2.365.430.747.193	2.509.714.441.789
I. Tiền	110		55.869.219.918	1.038.024.304.755
1. Tiền	111	V.1	55.869.219.918	1.038.024.304.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.766.953.487	82.766.953.487
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.a	9.766.953.487	9.766.953.487
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.b	233.000.000.000	73.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		866.694.095.122	826.182.777.946
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	877.277.326.215	661.218.729.594
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	50.655.908.948	233.152.427.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	16.398.163.922	9.454.237.820
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(77.642.617.170)	(77.642.617.170)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5.a	5.313.207	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.134.481.459.083	527.228.306.217
1. Hàng tồn kho	141		1.134.981.915.354	527.728.762.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500.456.271)	(500.456.271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		65.619.019.583	35.512.099.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	9.106.202.860	6.525.911.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.349.288.043	23.829.508.946
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		5.163.528.680	5.156.678.900
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1.422.922.612.647	1.509.936.699.666
I. Phải thu dài hạn	210		22.537.669.933	22.537.669.933
1. Phải thu dài hạn khác	216		22.537.669.933	22.537.669.933
II. Tài sản cố định	220		1.355.419.660.593	1.429.088.395.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.354.503.094.724	1.428.601.855.292
- Nguyên giá	222		2.737.172.675.847	2.738.157.584.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.382.669.581.123)	(1.309.555.729.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	916.565.869	486.540.675
- Nguyên giá	228		3.073.341.000	2.508.341.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.156.775.131)	(2.021.800.325)
III. Tài sản dài hạn khác	260		44.965.282.121	58.310.633.766
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	44.965.282.121	58.310.633.766
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	0
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		3.788.353.359.840	4.019.651.141.455

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	6/30/2024	12/31/2023
C. Nợ phải trả (300=310+330)	300		3,242,855,973,315	3,481,166,215,449
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>2,096,605,973,315</i>	<i>2,329,916,215,449</i>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	689,926,293,482	1,504,152,875,338
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	623,870,000	14,348,419,040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	941,414,648	7,457,862,602
4. Phải trả người lao động	314		11,061,079,963	12,623,743,378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	52,243,220,190	30,515,198,317
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6,927,966,634	16,712,415,244
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	1,334,770,871,705	743,994,444,837
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.16	111,256,693	111,256,693
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>1,146,250,000,000</i>	<i>1,151,250,000,000</i>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	342	V.15.b	1,146,250,000,000	1,151,250,000,000
D. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		545,497,386,525	538,484,926,006
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.17</i>	<i>545,497,386,525</i>	<i>538,484,926,006</i>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		190,000,000,000	190,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		190,000,000,000	190,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	0
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		355,497,386,525	348,484,926,006
- Lợi (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		348,484,926,006	(51,562,358,751)
- Lợi (Lỗ) năm nay	421b		7,012,460,519	400,047,284,757
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		3,788,353,359,840	4,019,651,141,455

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024



CHỖ GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
MST: 0800286887

Mẫu số B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý II và 6 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024		Năm 2023	
			Quý II	Lũy kế từ đầu năm	Quý II	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1,399,809,678,881	2,663,738,296,165	739,043,614,423	1,484,763,053,200
2. Các khoản giảm trừ	2	VI.1	13,586,465,868	29,898,645,868	1,418,008,000	3,537,721,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.1	1,386,223,213,013	2,633,839,650,297	737,625,606,423	1,481,225,332,200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,303,943,943,840	2,514,776,046,254	729,915,679,965	1,464,871,239,631
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		82,279,269,173	119,063,604,043	7,709,926,458	16,354,092,569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,523,817,043	4,468,289,440	774,620,153	776,148,781
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57,513,478,093	71,836,920,526	8,749,091,806	11,818,307,002
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48,063,757,653	62,385,828,261	2,622,546,876	5,690,405,322
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	574,864,301	1,283,286,718	129,151,011	242,830,482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14,296,922,706	32,841,548,275	1,020,761,937	1,794,222,980
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		13,417,821,116	17,570,137,964	(1,414,458,143)	3,274,860,886
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-2,979,128,739	209,337,966		111,000,000
12. Chi phí khác	32	VI.8	5,151,198,783	10,725,516,504		0
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8,130,327,522)	(10,516,178,538)	0	111,000,000
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		5,287,493,594	7,053,959,426	(1,414,458,143)	3,385,860,886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	41,498,907	41,498,907		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0		
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		5,245,994,687	7,012,460,519	(1,414,458,143)	3,385,860,886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70		276	369		

KÊ TOÁN TRƯỞNG


Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
Km 77+500, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
MST: 0800286887

Mẫu số B03-DN
Ban hành theo QĐ số 200/2014/QĐ- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3,908,419,283,944	1,367,216,124,787
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(5,149,299,317,691)	(1,313,658,415,844)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(85,090,203,126)	(765,203,764)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(47,270,933,920)	(6,485,876,734)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(41,498,907)	(355,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	818,839,417	10,191,693,090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36,884,503,224)	(214,170,531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,409,348,333,507)	55,929,151,904
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(565,000,000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(160,000,000,000)	(37,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,936,276,886	1,712,598,367

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,433,832,213,350	239,035,147,213
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(848,055,786,482)	(243,890,015,940)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	585,776,426,868	(4,854,868,727)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(982,200,629,753)	15,786,880,644
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,038,024,304,755	1,123,716,537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45,544,916	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	55,869,219,918	16,910,597,181

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Tuyết Dung

Hải Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

2. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần B.C.H hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0800286887 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 07 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 07: 190.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2024: 190.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại : 02203.560.641

Fax : 02203.560.642

Mã số thuế : 0 8 0 0 2 8 6 8 8 7

3. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, dịch vụ

4. Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- + Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu phôi thép và các sản phẩm về thép;
- + Sản xuất, mua bán, gia công kim loại, các sản phẩm từ kim loại;
- + Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, mangan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực);
- + Kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ cân thuê hàng hóa;
- + Mua bán ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình;
- + Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- + Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- + Sản xuất, mua bán giấy dép, nguyên liệu giấy dép;
- + Sản xuất, mua bán hàng nông, lâm, thủy, hải sản./.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

6. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD
Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang(*)	Khu Công nghiệp Long Bình An, Phường Đội Cấn, Tp.Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Sản xuất Sắt, Thép, Gang	100%	100%

(*) Ngày 24 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang thành công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

6 tháng đầu năm 2024, là kỳ kế toán đầu tiên hợp nhất Báo cáo tài chính bán niên bởi vậy số liệu trên báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2023.

6. Nhân viên.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có 911 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 982 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần B.C.H(công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm là:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khai khoáng mỏ

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc đảm bảo mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn khai thác là 11 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	6.243.322.851	3.729.047.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.036.111.835	1.034.295.257.712
Cộng	55.869.219.918	1.038.024.304.755

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	9.766.953.487	9.766.953.487	-	9.766.953.487	9.766.953.487	-
Công ty CPTM & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	9.766.953.487	9.766.953.487	-	9.766.953.487	9.766.953.487	-
Cộng	9.766.953.487	9.766.953.487	-	9.766.953.487	9.766.953.487	-

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (1)	41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (2)	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000
NH BIDV –CN Nam Thái Nguyên (3)	10,000,000,000	10,000,000,000		
NH Vietinbank – CN Tuyên Quang (4)	100,000,000,000	100,000,000,000		
NH BIDV – CN Nam Thái Nguyên (5)	50,000,000,000	50,000,000,000		
Cộng	233.000.000.000	233.000.000.000	73.000.000.000	73.000.000.000

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương số tiền là 41.000.000.000 VND đang được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (Xem chi tiết thuyết minh số V.15).

(2) Là khoản tiền gửi tiết có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên số tiền 32.000.000.000 VNĐ đang được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (Xem chi tiết thuyết minh số V.15).

(3) Là khoản tiền gửi tiết có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên số tiền 10.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 12 tháng.

(4) Là khoản tiền gửi tiết có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang số tiền 100.000.000.000 VNĐ đang được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (Xem chi tiết thuyết minh số V.15).

(5) Là khoản tiền gửi tiết có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên số tiền 50.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 6 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CPĐT LE MONT	5.300.964.940		443.078.984.425	-
Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi	76.103.062.353	(76.103.062.353)	76.103.062.353	(76.103.062.353)
CtyCPGangThépThái Nguyên	12.113.313.394		67.894.190.077	-
Cty TNHH TM Thái Hưng	28.682.720.550		67.246.856.462	-
Công ty CPTM Thái Hưng	711.918.610.526			
Công ty TNHH Nasteel VINA	14.736.689.000			
Công ty Cổ phần XD Le Mont	19.684.666.750			
Các khách hàng khác	8.737.298.703	(97,668,700)	6.895.636.277	(1.539.554.817)
Cộng	877.277.326.215	(76.200.731.053)	661.218.729.594	(77.642.617.170)

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	186.789.210.180
Công ty CP khoáng nghiệp và TM Thuận Thông Đạt	22.733.770.593	22.100.501.943
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Yên	11.357.137.272	11.357.137.272
Các nhà cung cấp khác	16.565.001.083	12.905.578.307
Cộng	50.655.908.948	233.152.427.702

5. Phải thu khác**a. Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi	4.044.438.357	-	1.902.822.527	-
Ký cược, ký quỹ	279.117.858	-	-	-
Phải thu chiết khấu thương mại	5.115.953.390	-	970.032.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.958.654.317	-	6.581.382.793	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.313.207	-	-	-
Cộng	16.403.477.129	-	9.454.237.820	-

b. Phải thu khác dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	939.048.986.130	(500.456.271)	281.280.606.638	(500.456.271)
Công cụ, dụng cụ	10.857.011.694	-	11.255.269.121	-
Thành phẩm	118.348.318.493	-	33.904.709.769	-
Hàng hóa	66.727.599.037	-	201.288.176.960	-
Cộng	1.134.981.915.354	(500.456.271)	527.728.762.488	(500.456.271)

7. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.461.398.615	862.805.645
Chi phí vận chuyển	-	3.360.006.073
Chi phí sửa chữa toàn nhà máy	263.866.754	1.451.263.695
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.380.937.491	851.836.125
Cộng	9.106.202.860	6.525.911.538

b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí tiền thuê đất trả trước 1 lần	2.835.982.657	2.944.027.903
Công cụ dụng cụ xuất dùng	42.129.299.464	55.366.605.863
Cộng	44.965.282.121	58.310.633.766

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	959.107.821.515	1.725.275.023.165	38.430.989.686	15.343.750.571	2.738.157.584.937
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(133.330.000)	(805.079.090)	(46.500.000)	(984.909.090)
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	959.107.821.515	1.725.141.693.165	37.625.910.596	15.297.250.571	2.737.172.675.847
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	42.728.600.474	47.246.859.181	30.342.416.415	5.436.846.047	125.754.722.117
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	404.473.666.969	859.567.024.340	35.226.209.743	10.288.828.593	1.309.555.729.645
Khấu hao trong kỳ	22.613.093.023	50.423.087.814	441.256.572	616.009.952	74.093.447.361
Giảm trong kỳ	-	(133.330.000)	(805.079.090)	(41.186.793)	(979.595.883)
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	427.086.759.992	909.856.782.154	34.862.387.225	10.863.651.752	1.382.669.581.123
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	554.634.154.546	865.707.998.825	3.204.779.943	5.054.921.978	1.428.601.855.292
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	532.021.061.523	815.284.911.011	2.763.523.371	4.433.598.819	1.354.503.094.724

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.634.619.447 VND và 4.191.823.581 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương.

Ngày 01 tháng 8 năm 2014, Công ty thực hiện Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2014/BCH/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2014, do công nghệ sản xuất đã lỗi thời nên không đảm bảo được tính cạnh tranh, Đại hội đồng cổ đông thông nhất việc tạm dừng toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép để thực hiện cải tạo nhà máy và nâng cấp công nghệ sản xuất bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2015. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án cải tạo, nâng cấp nhà máy cũng như thu xếp nguồn vốn để thực hiện, xây dựng phương án sử dụng tài sản phù hợp với hiện trạng nhằm tạo nguồn thu cho công ty. Ngày 02 tháng 01 năm 2016, Công ty thực hiện ký hợp đồng số 0201/HĐ2016/BCH-TH với Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng. Theo đó, Công ty Cổ phần B.C.H cho Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng thuê tài sản là dây chuyền sản xuất phôi thép và một số tài sản khác để làm tài sản đảm bảo tại ngân hàng. Giá thuê được xác định căn cứ vào giá trị định giá tài sản thế chấp với tỷ lệ thỏa thuận không quá 3,5% giá trị định giá được ngân hàng chấp thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	2.140.779.000	367.562.000	2.508.341.000
Tăng trong kỳ	-	565.000.000	565.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	2.140.779.000	932.562.000	3.073.341.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	367.562.000	367.562.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	1.654.238.325	367.562.000	2.021.800.325
Khấu hao trong kỳ	97.308.138	37.666.668	134.974.806
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	1.751.546.463	405.228.668	2.156.775.131
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ (tại ngày 01.01.2024)	486.540.675	-	486.540.675
Số cuối kỳ (tại ngày 30.06.2024)	389.232.537	527.333.332	916.565.869

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CPTM & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	341.870.726.052	341.870.726.052	281.927.813.805	281.927.813.805
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	10.198.692.539	10.198.692.539	186.655.672.807	186.655.672.807
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	49.578.159.722	49.578.159.722	66.504.052.878	66.504.052.878
Công ty CPTM Thái Hưng	56.217.529.617	56.217.529.617	22.944.432.915	22.944.432.915
Công ty CPĐT Eco Valley Việt Nam	-	-	18.707.904.687	18.707.904.687
Công ty Hữu Hạn Xing Bao (Hongkong)	-	-	902.197.291.310	902.197.291.310
Công ty TNHH Át Tinh	11.570.411.362	11.570.411.362	-	-
Công ty điện lực Tuyên Quang	5.369.647.966	5.369.647.966	-	-
HONG KONG JINTENG DEVELOPMENT LIMITED	165.619.741.684	165.619.741.684	-	-
Các nhà cung cấp khác	49.501.384.540	49.501.384.540	25.215.706.936	25.215.706.936
Cộng	689.926.293.482	689.926.293.482	1.504.152.875.338	1.504.152.875.338

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Sơn Huyền	-	4.469.204.614
Công ty TNHH vàng bạc và thương mại dịch vụ Tiến Lực	-	9.747.269.925
Các khách hàng khác	623.870.000	131.944.501
Cộng	623.870.000	14.348.419.040

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	-	7.457.862.602
Thuế GTGT	299.500.206	-
Thuế TNCN	641.910.442	-
Cộng	<u>941.414.648</u>	<u>7.457.862.602</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Chi phí lãi vay phải trả	45.129.325.547	30.435.198.317
Chiết khấu bán hàng	94.762.500	-
Chi phí VLCL	3.773.103.508	-
Chi phí thuê thùng nước gang, nước thép trung gian	3.246.028.635	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	80.000.000
Cộng	<u>52.243.220.190</u>	<u>30.515.198.317</u>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.864.594.228	5.864.594.228
Kinh phí công đoàn	149.750.965	114.239.771
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	677.115.200	10.476.780.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	236.506.241	256.801.245
Cộng	<u>6.927.966.634</u>	<u>16.712.415.244</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Công(1)	87.116.546.407	87.116.546.407	63.997.957.403	63.997.957.403
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Hải Dương (2)	1.110.629.872.167	1.110.629.872.167	79.996.487.434	79.996.487.434
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Nam Thái Nguyên (3)	37.024.453.131	37.024.453.131	600.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (4)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Cộng	1.334.770.871.705	1.334.770.871.705	743.994.444.837	743.994.444.837

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay hạn mức số 3016570935/2023-HĐCVHM/NHCT222-B.C.H ngày 31/10/2023, hạn mức cho vay không vượt quá 65.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức từ 31/10/2023 đến hết ngày 31/10/2024, lãi suất cho vay quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/1949269/HĐTD ngày 24/10/2023, theo đó tổng hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa 80.000.000.000 VND, trong đó bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1949269/HĐTD ngày 08/11/2022; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức là 01 năm. Tài sản đảm bảo được quy định theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản.

(3) Là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/1949269/HĐTD ký ngày 25/12/2023, thời gian cấp hạn mức tới hết ngày 31/10/2024 với hạn mức cấp tín dụng thường xuyên tối đa 600.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản.

(4) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tuyên Quang theo hợp đồng cho vay số 103/2024-HĐCVHM/NHCT174- CTY TNHH GANG THEP TUYEN QUANG ngày 03/01/2024, theo đó tổng mức dư nợ vay không vượt quá 300.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 03/01/2024 đến 03/01/2025. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 2024.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	743.994.444.837	1.433.832.213.350	(843.055.786.482)	1.334.770.871.705
Cộng	743.994.444.837	1.433.832.213.350	(843.055.786.482)	1.334.770.871.705

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

(1) Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 02/2023/1949269/HĐTD ký ngày 25/12/2023, thời hạn cho vay 72 tháng. Tổng số dư khoản vay được rút tối đa là 600.000.000.000 VND và không vượt quá 60% giá mua phần vốn chuyển nhượng theo Hợp đồng mua bán phần vốn giữa Công ty CP B.C.H và tập đoàn Hengxing Công ty Excel Pearl (Hong Kong) và Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và bảo lãnh được phát hành tối đa 650.000.000.000 VND. Mục đích vay vốn mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Excel Pearl (Hong Kong) tại Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và phát hành bảo lãnh thanh toán liên quan đến việc mua lại phần vốn kể trên. Lãi suất cho vay hiện tại là 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản.

(2) Là khoản vay Công ty Hữu hạn Xing bao (HongKong) theo các hợp đồng cho vay số 78/HĐVT 2023 ngày 01/11/2023 với số tiền 6.000.000 USD; Số 79/HĐVT 2023 ngày 01/11/2023 với số tiền 6.500.000 USD; Số 80/HĐVT 2023 ngày 01/11/2023 với số tiền 6.000.000 USD; Số 81/HĐVT 2023 ngày 01/11/2023 với số tiền 6.500.000 USD. Mục đích cho vay để chi trả nợ nước ngoài, cơ cấu lại nợ nước ngoài và cơ cấu lại khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 01.1.2024	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tại ngày 30.6.2024
Vay dài hạn ngân hàng (1)	540.000.000.000		(5.000.000.000)	535.000.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác (2)	611.250.000.000			611.250.000.000
Cộng	1.151.250.000.000	-	(5.000.000.000)	1.146.250.000.000

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 1.1.2024	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 30.6.2024
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	111.256.693	-	-	111.256.693
Cộng	111.256.693	-	-	111.256.693

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	190.000.000.000	(51.562.358.751)	138.437.641.249
Lợi nhuận trong năm trước	-	400.047.284.757	400.047.284.757
Số dư cuối năm trước	190.000.000.000	348.484.926.006	538.484.926.006
Số dư đầu năm nay	190.000.000.000	348.484.926.006	538.484.926.006
Lợi nhuận trong năm	-	8.028.961.856	8.028.961.856
Số dư cuối năm	190.000.000.000	356.513.887.862	546.513.887.862

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Duy Luân	16.680.000.000	8,8%	16.680.000.000	8,78%
Bà Lê Thu Phương	13.430.000.000	7,1%	-	-
Ông Đặng Ngọc Hưng	11.260.000.000	5,9%	11.260.000.000	5,93%
Ông Trần Nguyên Hưng	9.680.000.000	5,1%	9.680.000.000	5,09%
Ông Trần Văn Hiếu	9.680.000.000	5,1%	9.680.000.000	5,09%
Ông Phạm Bá Phú	17.260.000.000	9,0%	9.760.000.000	5,14%
Các cổ đông khác	112.010.000.000	59,0%	132.940.000.000	69,97%
Cộng	190.000.000.000	100%	190.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	30.6.2024	01.01.2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.000.000	19.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	19.000.000	19.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.000.000	19.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.000.000	19.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.000.000	19.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Tổng doanh thu	2.662.714.463.665	3.843.305.614.192
Doanh thu bán hàng hóa	2.656.108.539.670	3.831.862.885.456
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.629.756.495	11.442.728.736
Hàng bán bị trả lại	-	(7.968.461.500)
Chiết khấu bán hàng	(28.800.750.320)	-
Giảm giá hàng bán	(1.097.895.548)	-
Cộng	2.633.839.650.297	3.835.337.152.692

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.500.900.608.195	3.784.125.786.538
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.875.438.059	24.362.795.207
Cộng	2.514.776.046.254	3.808.488.581.745

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.077.912.543	5.274.135.484
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	390.376.897	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	328.441
Cộng	4.468.289.440	5.274.463.925

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Chi phí lãi vay	62.385.828.261	13.545.200.269
Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm	9.420.686.891	10.554.181.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.646.649	-
Chi phí tài chính khác	2.758.725	5.502.375
Cộng	71.836.920.526	24.104.883.991

5. Chi phí bán hàng

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	424.790.899	433.887.576
Chi phí vật liệu, bao bì	3.173.664	10.362.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	850.227.905	1.108.682.940
Chi phí bán hàng khác	5.094.250	-
Cộng	1.283.286.718	1.552.933.085

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.484.739.137	1.348.025.889
Chi phí vật liệu quản lý	1.548.011.994	81.114.921
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.985.070	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.345.056.033	1.384.547.539
Thuế, phí và lệ phí	1.685.113.327	399.724.738
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.851.601.276	715.601.306
Các chi phí khác	3.887.041.438	1.810.000
Cộng	32.841.548.275	3.930.824.393

7. Thu nhập khác

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Lãi từ giao dịch mua rẻ khi hợp nhất		397.401.891.354
Bán thanh lý TSCĐ	45.454.545	
Các khoản thu nhập khác	163.883.421	111.000.000
Cộng	209.337.966	397.512.891.354

8. Chi phí khác

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Chi phí mò đá	10.612.594.178	
Chi phí khác	112.922.326	
Cộng	10.725.516.504	

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.070.460.763	400.047.284.757
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.725.516.504	(397.401.891.354)
- Các khoản điều chỉnh giảm	10.725.516.504	-
<i>Lãi từ giao dịch mua rẻ</i>	-	(397.401.891.354)
Thu nhập chịu thuế	18.795.977.267	2.645.393.403
Lỗ các năm trước được chuyển	(18.795.977.267)	(2.645.393.403)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm 2022	41.498.907	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.498.907	-

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.028.961.856	400.047.284.757
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.028.961.856	400.047.284.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.000.000	19.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	423	21.055

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.000.000	19.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.000.000	19.000.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.689.124.720.054	91.477.490
Chi phí nhân công	99.896.318.824	1.781.913.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.546.483.128	17.931.962.599
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.820.126.388	1.824.284.246
Chi phí khác	12.391.995.674	1.810.000
Cộng	1.988.779.644.068	21.631.447.800

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của các thành viên quản lý chủ chốt:

	6 tháng ĐN 2024	Năm trước
Ông Đặng Ngọc Hưng – Tổng Giám đốc	85.448.176	231.301.528
Bà Lê Thu Phương – Kế toán trưởng	126.441.587	210.318.644

2. Thông tin về bộ phận**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại
- + Lĩnh vực dịch vụ cho thuê tài sản
- + Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển
- + Sản xuất và kinh doanh sắt, thép, gang

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	B.C.H	TQIS	Cộng
6 tháng đầu năm 2024			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	768.370.253.274	1.865.469.397.023	2.633.839.650.297
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.703.910.947.013		1.703.910.947.013
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.472.281.200.287	1.865.469.397.023	4.337.750.597.310
Chi phí bộ phận	(2.417.150.014.206)	(1.801.536.979.061)	(4.218.686.993.267)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			119.063.604.043
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			34.124.834.993
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			84.938.769.050
Doanh thu hoạt động tài chính			4.468.289.440
Chi phí tài chính			(71.836.920.526)
Thu nhập khác			209.337.966
Chi phí khác			(10.725.516.504)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(41.498.907)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.012.460.519
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(565.000.000)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			(74.228.422.167)

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 30.06.2024				
Vay và nợ	1.334.770.871.705	611.250.000.000	535.000.000.000	2.481.020.871.705
Phải trả người bán	689.926.293.482	-	-	689.926.293.482
Các khoản phải trả khác	71.908.808.128	-	-	71.908.808.128
Cộng	2.096.605.973.315	611.250.000.000	535.000.000.000	3.242.855.973.315

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01.01.2024				
Vay và nợ	743.994.444.837	611.250.000.000	540.000.000.000	1.895.244.444.837
Phải trả người bán	1.504.152.875.338	-	-	1.504.152.875.338
Các khoản phải trả khác	81.768.895.274	-	-	81.768.895.274
Cộng	2.329.916.215.449	611.250.000.000	540.000.000.000	3.481.166.215.449

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.869.219.918	1.038.024.304.755	55.869.219.918	1.038.024.304.755
Chứng khoán kinh doanh	9.766.953.487	9.766.953.487	9.766.953.487	9.766.953.487
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	233.000.000.000	73.000.000.000	233.000.000.000	73.000.000.000
Phải thu khách hàng	799.634.709.045	583.576.112.424	799.634.709.045	583.576.112.424
Các khoản phải thu khác	67.059.386.077	31.991.907.753	67.059.386.077	31.991.907.753
Cộng	1.165.330.268.527	1.736.359.278.419	1.165.330.268.527	1.736.359.278.419
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.481.020.871.705	1.895.244.444.837	2.481.020.871.705	1.895.244.444.837
Phải trả người bán	689.926.293.482	1.504.152.875.338	689.926.293.482	1.504.152.875.338
Các khoản phải trả khác	71.908.808.128	59.851.356.939	71.908.808.128	59.851.356.939
Cộng	3.242.855.973.315	3.459.248.677.114	3.242.855.973.315	3.459.248.677.114

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Km77+500, Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Dung

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hưng